TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN GÒ VẤP** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 147/2018/DS-ST Ngày: 19/4/2018. V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thành Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

Ông Phan Minh Thanh

- Thư ký phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Phương– Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Huyền– Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2018, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 512/2017/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2018/QĐXXST- DS ngày 09 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2018/QĐST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V; có trụ sở tại: Số T- L, phường H, quận Đống Đa, TP. Hà Nội; địa chỉ liên lạc: Tầng T, số H đường T, phường B, Quận M, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D– Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1/ Ông Huỳnh Trọng N; địa chỉ: Tầng B, số H đường P, Phường B, quận P, TP. Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 3127/2017/UB-VPB ngày 29/7/2017).

2/ Ông Nguyễn Văn T; địa chỉ: Tầng B, số H đường P, Phường B, quận P, TP. Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 5193/2018/UB-VPB ngày 14/11/2017, thay thế văn bản ủy quyền số 3127/2017/UB-VPB

ngày 29/7/2017) (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Khoa T; địa chỉ: Số B đường Ng, Phường M, quận G, TP.Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V và các lời khai tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ngân hàng TMCP V (sau đây được gọi tắt là Ngân hàng) có cho ông Nguyễn Khoa T vay 80.000.000 đồng, theo Hợp đồng tín dụng số 3303480 ngày 23/4/2015 (Hợp đồng tín dụng gồm: Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng ngày 17/4/2015; Bản điều khoản và điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng cá nhân ngày 17/4/2015; Bản phê duyệt ngày 23/4/2015). Theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng (Sau đây được viết tắt là Hợp đồng) mức lãi suất trong hạn là 27%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thời hạn vay 48 tháng. Kỳ trả nợ được thể hiện chi tiết theo lịch trả nợ. Ngân hàng xác nhận giao dịch theo Hợp đồng tín dụng đang tranh chấp trên là giao dịch giữa Ngân hàng với cá nhân ông Nguyễn Khoa T. Vì vậy, Ngân hàng chỉ khởi kiện ông T và không yêu cầu trách nhiệm trả nợ đối với cá nhân nào khác trong vụ kiện này.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông T đã thanh toán được tổng số tiền tính đến ngày 25/5/2015 là 2.766.000 đồng, trong đó nợ gốc đã trả là 961.928 đồng và tiền lãi là 1.804.072 đồng. Kể từ ngày 26/5/2015 đến nay ông T không trả thêm cho Ngân hàng bất kỳ khoản nợ gốc hay tiền lãi nào nữa. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở cũng như thông báo yêu cầu trả nợ nhưng ông T vẫn không thực hiện. Do ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong Hợp đồng nên vào ngày 04/8/2017 Ngân hàng nộp đơn khởi kiện và yêu cầu ông T thanh toán nợ gốc và lãi của Hợp đồng tín dụng trên tính đến ngày 29/7/2017 là 148.634.399 đồng. Trong đó nợ gốc là 79.038.072 đồng và nợ lãi là 69.596.327 đồng. Ngoài ra Ngân hàng còn yêu cầu ông T thanh toán lãi phát sinh theo Hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ. Tại bản khai của ông Nghĩa và ông Tuấn là người đại diện của nguyên đơn cũng như ý kiến của ông Tuấn tại biên bản không tiến hành hòa giải được các ngày 18/01/2018 và 07/2/2018 đều thể hiện các khoản nợ vay, tiền lãi và các khoản nợ mà ông T đã thanh toán đúng theo nội dung đơn khởi kiện. Ngân hàng yêu cầu ông T thanh toán khoản nợ gốc và tiền lãi của Hợp đồng tín dụng số 3303480 ngày 23/4/2015 tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/4/2018) là 173.290.973 đồng. Trong đó nợ gốc là 79.038.072 đồng và nợ lãi là 94.252.901 đồng (Lãi trong hạn 62.835.267 đồng và lãi quá hạn là 31.417.634 đồng). Thanh toán một lần ngay sau khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật. Yêu cầu ông T tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 3303480 ngày 23/4/2015 kể từ ngày 20/4/2018 cho đến khi trả dứt khoản nợ gốc này.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản và giấy triệu tập của Tòa cho bị đơn là ông Nguyễn Khoa T tại địa chỉ số B đường Ng, Phường M, quận G, nhưng bị đơn không đến Tòa trong các buổi mời làm việc và vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không lấy được lời khai của bị đơn cũng như Tòa án không nhận được các tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp. Tòa án vẫn tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào các ngày 18/01/2018 và ngày 07/02/2018 và niêm yết cho bị đơn thông báo kết quả các phiên họp (Đính kèm theo thông báo là các tài liệu, chứng cứ được công bố tại phiên họp, trừ hồ sơ pháp lý liên quan đến hoạt động của Ngân hàng). Do bị đơn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện bị đơn thanh toán khoản nợ là 173.290.973 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 3303480 ngày 23/4/2015 và bảo lưu các ý kiến đã trình bày trong quá trình làm việc tại Tòa án.

Bị đơn. Ông Nguyễn Khoa T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định tư cách tố tụng; thu thập chứng cứ; thủ tục phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thủ tục cấp, tống đạt, niêm yết; gửi Quyết định đưa vụa án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo thời hạn.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa xét xử sơ thẩm.

- Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng thương mại Cổ phần V có đơn khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Khoa T trả khoản nợ là 173.290.973 đồng bao gồm cả nợ gốc và lãi của Hợp đồng tín dụng số 3303480 ngày 23/4/2015. Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, nên căn cứ Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân

sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Tòa án đã tiến hành xác minh các địa chỉ được ghi trong Hợp đồng tín dụng. Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường M, quận G, TP. Hồ Chí Minh thì ông Nguyễn Khoa T không còn cư ngụ tại địa chỉ Số B đường Ng, Phường M, quận G, đã bán nhà đi khỏi địa phương từ năm 2012 và không rõ đi đâu. Tại địa chỉ 227/39/1 đường Nguyễn Tư Giản, Phường M, quận G ông T không có cư ngụ. Như vậy, ông T thay đổi nơi cư trú không báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định luật cư trú đã thể hiện nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện. Ngân hàng đã ghi đúng địa chỉ của ông T trong đơn khởi kiện theo địa chỉ trong hợp đồng tín dụng, việc ông T thay đổi nơi cư trú mà không báo cho Ngân hàng biết địa chỉ nơi cư trú mới, cũng được coi là cố tình giấu địa chỉ theo hướng dẫn tại Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở xác định địa chỉ của bị đơn tại quận Gò Vấp, căn cứ theo quy định tại Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn xác định tranh chấp khoản nợ vay là giao dịch giữa Ngân hàng với của ông T. Do đó Ngân hàng chỉ yêu cầu ông T trả nợ mà không yêu cầu cá nhân nào khác cùng có trách nhiệm trả nợ với ông T là phù hợp với nội dung thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và phù hợp với quy định của Pháp luật về quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự được quy định tại Khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông Nguyễn Khoa T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại Điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán đối với khoản nợ vay và tiền lãi của Hợp đồng tín dụng số 3303480 ngày 23/4/2015 tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/4/2018) là 173.290.973 đồng. Trong đó nợ gốc là 79.038.072 đồng và nợ lãi là 94.252.901 đồng (Lãi trong hạn 62.835.267 đồng và lãi quá hạn là 31.417.634 đồng). Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện do nguyên đơn cung cấp gồm: Hợp đồng tín dụng (Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ký ngày 17/4/2015; bản điều khoản và điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng ngày 17/4/2015; bản phê duyệt ngày 23/4/2015), bản sao kê chứng minh khoản tiền giao dịch và thanh toán nợ, lịch trả nợ cũng như đối chiếu các văn bản, tài liệu khác của Ngân hàng đủ cơ sở xác định giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Khoa T có ký kết với nhau hợp đồng tín dụng số 3303480 ngày 23/4/2015. Ngân hàng cho ông T vay số tiền là 80.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng, lãi suất là 27%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Thời hạn vay 48 tháng. Phương thức thanh toán khoản nợ vay theo kỳ trả nợ được thể hiện chi tiết trong lịch trả nợ. Xét nội dung thoả thuận của các bên tại hợp đồng tín dụng nêu trên về khoản nợ vay, lãi suất và trách nhiệm trả nợ phù hợp với quy định tại Điều 471,

Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 và thỏa thuận lãi suất phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động Ngân hàng của các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*" nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Theo chứng cứ nguyên đơn cung cấp, tại bản sao kê tài khoản chứng minh giao dịch và thanh toán của khách hàng và lịch trả nợ theo hợp đồng tín dụng số 3303480 ngày 23/4/2015, thể hiện số tiền ông T vay của Ngân hàng là 80.000.000 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 2.766.000 đồng, trong đó trả nợ gốc là 961.928 đồng và tiền lãi là 1.804.072 đồng. Kể từ ngày 26/5/2015 ông T không thanh toán nợ cho Ngân hàng theo lịch trả nợ. Do ông T không trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng chuyển sang nợ quá hạn toàn bộ khoản nợ vay, thu hồi trước hạn đối với toàn bộ dư nợ còn lại và yêu cầu ông T thực hiện việc nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với thỏa thuận trong Hợp đồng số 3303480 ngày 23/4/2015. Ông T không đến Tòa, không có lời khai, không cung cấp chứng cứ để xác nhận hoặc phản bác yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, ông T đã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định. Theo Khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: "Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc". Hội đồng xét xử căn cứ hợp đồng tín dụng số 3303480 ngày 23/4/2015, thông báo đòi nợ và các chứng cứ trong hồ sơ vụ kiện do nguyên đơn cung cấp để xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn toàn bộ khoản nợ gốc là 79.038.072 đồng và nợ lãi tính đến ngày 19/4/2018 là 94.252.901 đồng (Lãi trong hạn là 62.835.267 đồng và lãi quá hạn là 31.417.634 đồng), tổng cộng là 173.290.973 đồng, theo Hợp đồng tín dụng số 3303480 ngày 23/4/2015. Trả làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày 20/4/2018 ông T phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 3303480 ngày 23/4/2015 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán khoản nợ 173.290.973 đồng, được Tòa án chấp nhận toàn bộ, nên theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự với mức thu là (5% của giá trị tranh chấp) 8.664.548 đồng.

Ngân hàng thương mại Cổ phần V không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.715.860 đồng theo biên lai thu số AA/2017/0027560 ngày 05/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn Khoản 1 Điều 5, Khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 91, Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

1. Buộc ông Nguyễn Khoa T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V toàn bộ khoản nợ gốc là 79.038.072 đồng và nợ lãi tính đến ngày 19/4/2018 là 94.252.901 đồng (Lãi trong hạn là 62.835.267 đồng và lãi quá hạn là 31.417.634 đồng), tổng cộng là 173.290.973 (Một trăm bảy mươi ba triệu hai trăm chín mươi ngàn chín trăm bảy mươi ba) đồng, theo Hợp đồng tín dụng số 3303480 ngày 23/4/2015 (Hợp đồng tín dụng gồm: Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng ngày 17/4/2015; Bản điều khoản và điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng cá nhân ngày 17/4/2015; Bản phê duyệt ngày 23/4/2015). Trả làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 20/4/2018 ông Nguyễn Khoa T phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 3303480 ngày 23/4/2015 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Khoa T phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 8.664.548 (Tám triệu sáu trăm sáu mươi tư ngàn năm trăm bốn mươi tám) đồng.

- Ngân hàng thương mại Cổ phần V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.715.860 (Ba triệu bảy trăm mười lăm ngàn tám trăm sáu mươi) đồng theo biên lai thu số AA/2017/0027560 ngày 05/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền được thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦTỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lê Thị Thành Huế